

Giác Như Thượng nhân

CHẤP TRÌ SAO

執持抄

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Chấp Trì Sao (執持鈔) thu lục trong Đại chánh tạng, tập 83, No. 2662, do Giác Như Thượng nhân soạn thuật, lúc ông 57 tuổi, theo sự thỉnh cầu viết sách của Nguyễn Trí Phòng Vĩnh Thừa¹ ở Phi Đà quốc, chia làm năm chương: bốn chương đầu là pháp ngữ của Thân Loan Thánh nhân, và chương cuối là lời tự thuật của Thượng nhân. Như Lời cuối có nói, khi Giác Như Thượng nhân 71 tuổi, Nguyễn Trí Phòng lên Kyoto, mang theo cuốn Chấp Trì Sao này, và Thượng nhân đã viết lại nó vì lợi ích chúng sanh.

Nghĩa lý của Chấp Trì Sao rất trọng yếu, mặc dù nó ngắn. Cụm từ ‘chấp trì’ được hiểu giống như đoạn văn trong Tiểu Kinh: *“Nghe nói đến Đức Phật A Di Đà, chấp trì danh hiệu của Ngài.”*

Giáo Hành Tín Chứng giải thích: *“Chấp, nghĩa là cái tâm vững chãi và không chuyển đổi. Trì, nghĩa là không tán loạn, không quên mất.”*

Tịnh Độ Văn Loại Tự Sao ghi: *“Chấp, là tâm vững chắc, không thay đổi. Trì, là không tan không mất, nên gọi là Bất loạn. Chấp trì tức là Nhất tâm. Nhất tâm tức là tín tâm.”*

Từ đây suy ra, ‘chấp trì’ có nghĩa là ‘tín tâm vững chắc’, không nghi ngờ, không phân tán, không lạc lối, không thác loạn, không phóng dật, và đây chính là ‘nhất tâm’, cũng là ý ‘tín tâm được xác định’. Chương 5 của sách này nói, *“Danh hiệu chính là Chánh định nghiệp, đó là vì nếu hành giả được nắm giữ bởi bất tư nghị lực của Phật thì nghiệp vãng sanh lập tức được xác định. Dù xưng niệm danh hiệu nguyện lực² của Đức Phật A Di Đà mà nghiệp vãng sanh chưa xác định, thì*

¹ Nguyễn Trí Phòng Vĩnh Thừa (願智房永承): vị tăng phái Thiên Thai được Giác Như Thượng nhân, trụ trì đời thứ ba của Bản Nguyên Tự, dạy dỗ và đổi tên thành Giác Thuần (覺淳), người khai sáng Văn Danh Tự (聞名寺) ở Phú Sơn.

² Danh hiệu nguyện lực: danh hiệu chứa đựng bản nguyện lực cứu độ chúng sanh.

không thể gọi là Chánh định nghiệp. Chúng ta đã chấp trì danh hiệu của bản nguyện, thì nên hoan hỷ vì nghiệp vãng sanh của chúng ta đã được hoàn thành.”

Như tựa đề đã gợi ý, đây là cuốn sách thuyết minh yếu nghĩa Tha lực tín tâm, đó là tín thọ và chấp trì vào danh hiệu A Di Đà Phật. Đại ý của năm chương như sau:

Chương 1 thảo luận về tông nghĩa ‘Bình sanh nghiệp thành’. Giáo thuyết ‘Lâm chung lai nghinh’ hay ‘Lâm chung nghiệp thành’ là tinh thần của nguyện thứ 19 dành cho hành giả Chư hành vãng sanh. Mặt khác, nguyện thứ 18 dành cho hành giả Tín tâm tha lực, những người không mong đợi sự lai nghinh, họ nhận được sự nhiếp thủ bất xả từ Đức Phật A Di Đà và luôn an trú Chánh định tự ngay trong đời sống hằng ngày.

Chương 2 nói rằng tín tâm là nền tảng cho sự vãng sanh Tịnh độ. Chỉ cần có tín tâm, và tín tâm đó là hoàn toàn nương tựa vào Đức Phật A Di Đà, không nghi ngờ hay lo lắng. Sự vãng sanh có thành tựu hay không, hãy để cho A Di Đà Như Lai quyết định, không phải là việc của chúng sanh. Sự cần thiết phải vãng lời thầy dạy được bàn luận từ mối quan hệ thầy trò giữa hai vị Thánh Pháp Nhiên và Thân Loan. Có lẽ vì chương 2 của sách này chứa đựng nội dung giống chương 2 của Thán Dị Sao, nên Tăng Thác (僧錯, 1723-1783) của bản phái thậm chí đã viết: *“Tôi cho rằng cuốn sách này là một bản chú giải về Thán Dị Sao.”*

Trong chương 3, Đại sư Thiện Đạo giải thích trong Quán Kinh Sớ rằng, sự vãng sanh về cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà không phải là do hành nghiệp của phàm phu, mà do tăng thượng duyên là đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà.

Chương 4 mô tả ý thú của ‘Tha lực nhiếp sanh’ (他力攝生), nghĩa là tín tâm vào nhân duyên của Quang minh (duyên) và Danh hiệu (nhân).

Chương 5 là sự lãnh giải của Giác Như Thượng nhân về yếu nghĩa của Tịnh độ Chân tông là tin tưởng vào ‘Nhất niệm vãng sanh’ và ‘Bình sanh nghiệp thành’ (Hiện sanh chánh định tụ), và khuyến khích mọi người duy trì tín tâm một cách đúng đắn.

Trong Tỏi Tu Kính Trọng Hội Từ (最須敬重繪詞) của Thừa Chuyên (承專, 1274-1295) có nhận định về yếu chỉ của Cháp Trì Sao là: “*Huyền chỉ của Bình sanh nghiệp thành, thâm yếu của Tha lực vãng sanh.*”

Cháp Trì Sao cùng với Khâu Truyền Sao và Cải Tà Sao được soạn thuật vào những năm cuối đời của Giác Như Thượng nhân, và cả ba đều là những điển tịch cực kỳ quan trọng của Pháp môn Tịnh độ.

San Francisco, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Phật tử Quảng Minh kính ghi

CHẤP TRÌ SAO

執持抄

No. 2662

Giác Như Thượng nhân soạn thuật

Chương 1: Không mong chờ lai nghinh

Thánh nhân Bản Nguyện Tự (Đại sư Thân Loan) nói: “Sự lai nghinh³ chỉ ở ‘chư hành vãng sanh’⁴, vì là hành giả tự lực.”

Người chờ đợi lúc lâm chung và nương nhờ sự lai nghinh, có thể gọi là ‘người vãng sanh bằng chư hành’⁵.

Hành giả có được ‘tín tâm chân thật’⁶ thì được ‘nhiếp thủ bất xả’, vì vậy an trú Chánh định tự. An trú Chánh định tự thì ‘tất chí Diệt độ’⁷.

³ Lai nghinh (來迎): cũng gọi Lai nghinh dẫn tiếp, Thánh chúng lai nghinh. Những người phát nguyện vãng sanh Tịnh độ, lúc lâm chung, Đức Phật, Bồ tát và các Thánh chúng đến nghinh đón. Điều này xuất phát từ tư tưởng nguyện thứ 19 trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, nguyện ấy nói rằng, nếu một người có Bồ đề tâm mà nguyện sanh về Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà, khi người ấy mạng chung, Đức Phật A Di Đà sẽ xuất hiện trước mặt để tiếp dẫn. Tại Nhật bản, loại tranh Lai nghinh rất phổ biến, gọi là Nghinh tiếp mạn đồ la. Trong tranh Lai nghinh vẽ Đức Phật A Di Đà, Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí trong tư thái nghinh đón, gọi là Lai nghinh tam tôn. Đối trước người sắp mạng chung mà thực hành nghi thức Lai nghinh, gọi là Nghinh tiếp hội.

⁴ Chư hành vãng sanh (諸行往生): Do tông Tịnh độ lập ra. Có nghĩa là ngoài việc niệm Phật, tu chư thiện muôn hạnh khác cũng có thể được vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc. Các đại sư thuộc Tịnh độ tông Trung Quốc ở đời Đường, đối với Chư thiện vạn hạnh có lập các danh mục khác nhau, như trong Quán Kinh Sớ, phần Tấn Thiện Nghĩa, Đại sư Thiện Đạo gọi là Tập hạnh; trong An Lạc Tập, quyển hạ, Đại sư Đạo Xước gọi là Vạn hạnh, vì thế mà có tên gọi Vạn hạnh vãng sanh. Tổ Pháp Nhiên của Tịnh độ tông Nhật bản, lấy Xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà trong năm chánh hạnh làm phương pháp vãng sanh Tịnh độ, nhưng đệ tử của Pháp Nhiên là Trường Tây thì nói Chư hành và Niệm Phật nên phải được coi ngang nhau. [X. luận Thích tịnh độ quần nghi Q.5].

⁵ Chư hành vãng sanh nhân (諸行往生人).

Thế nên, không chờ đợi lúc lâm chung và không nương nhờ sự lai nghinh, đó là ý nghĩa của nguyện thứ 18⁸. Chờ đợi lúc lâm chung và nương nhờ sự lai nghinh, đó là ý nghĩa của thệ nguyện thứ 19 của ‘chư hành vãng sanh’.⁹

Chương 2: Không xen tạp sự kể đặc của mình

Lại nói: “Thân này không biết đúng sai, không rõ tà chánh, tiểu từ tiểu bi cũng đều không có, vẫn vì danh lợi, ưa làm thầy mọi người.”¹⁰

Là người cầu vãng sanh Tịnh độ thì chỉ lấy tín tâm [chân thật] làm đầu, không duyên theo gì khác [dù gì khác đó là tốt hay xấu].

⁶ Thán Dĩ Sao: “Nên biết rằng, trong bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, không phân biệt già trẻ, thiện ác, mà chỉ yêu cầu có tín tâm chân thật.”

⁷ Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願): Cũng gọi Vãng tướng chứng quả nguyện (往相證果願), Trụ chánh định tụ tất chí Bồ-đề nguyện (住正定聚必至菩提願), Lưu tận vị nguyện (漏盡位願), Vô thượng Niết-bàn nguyện (無上涅槃願), Chứng đại niết-bàn nguyện (證大涅槃願), Trụ chánh định tụ nguyện (住正定聚願), Linh trụ chính định tụ nguyện (令住正定聚願). Nguyện ắt phải đến diệt độ, là lời nguyện thứ 11 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà khi còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Tức Đức Phật A Di Đà nguyện rằng, tất cả người, trời trong cõi nước của Ngài đều trụ trong Chánh định tụ, cho đến diệt độ, đạt được đại quả Niết bàn, nếu không như thế thì Ngài không thành Chánh giác. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 268 thượng), nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁸ Trong lời nguyện thứ 18, Đức Phật A Di Đà nói với tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, “chúng sinh ở mười phương chí tâm tin ưa, muốn sinh về nước tôi, nhứt đến mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Ngài lấy chúng sanh tội nghiệp và đau khổ làm đối tượng độ sinh, đưa họ thoát ly biển khổ sinh tử. Khi Đức Phật A Di Đà phát nguyện ở nhân vị, Ngài nói rõ với chúng ta: chúng sinh tội nghiệp là gì? Nó giống như chúng ta, không có căn lành, không có trí tuệ và không có ai nương tựa. Do đó, nguyện thứ 18 được lập cho những chúng sinh tội nghiệp và đau khổ như là đối tượng của sự cứu rỗi, chứ không phải được lựa chọn theo căn cơ cao thấp.

⁹ Nguyện thứ 19 là Lâm chung hiện tiền nguyện (臨終現前願), cũng gọi Lâm chung nghinh tiếp nguyện (臨終迎接願), Nhiếp thủ tu đức dục sanh nguyện (攝取修德欲生願), Lai nghinh dẫn tiếp nguyện (來迎引接願), Thánh chúng lai nghinh nguyện (聖眾來迎願), Hiện kỳ nhân tiền nguyện (現其人前願): “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh phát Bồ đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về cõi tôi, khi mạng sắp hết, nếu như tôi chẳng cùng đại chúng vây quanh, hiện ra trước mặt người ấy, tôi chẳng giữ lấy Chánh giác.” Nguyện thứ 19 trong 48 nguyện của đức Phật A Di Đà, tức hành giả niệm Phật, phát Bồ đề tâm, tu các công đức, nguyện sanh về Tịnh độ phương Tây, lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà và các Thánh chúng cùng đến trước tiếp dẫn.

¹⁰ Chánh Tượng Mật Hòa Tán, mục 116: Thị phi bất tri tà chánh muội, Thử thị ngu ám tội ác thân, Tiểu từ tiểu bi diệc vô giả, Danh lợi hảo vi sư nhân dã.. (是非不知邪正昧, 此是愚闇罪惡身, 小慈小悲亦無者, 名利好為人師也. Đúng sai không biết tà chánh muội, Đây là thân tội ác ngu tối, Tiểu từ tiểu bi cũng không có, [Bỏ] danh lợi ưa làm thầy của người.) Đây là lời tự sám hối của Thân Loan.

Việc vãng sanh là một đại sự, chẳng phải phàm phu có thể kể đặc¹¹, phải ‘nhất tâm’ phó mặc cho Đức Phật A Di Đà.

Không phải chỉ có phàm phu, ngay cả Bồ tát Di Lặc ‘nhất sanh bồ xứ’ cũng không thể đo lường được Phật trí bất khả tư nghị, huống gì thiện trí của phàm phu? Vì vậy chúng ta phải phó mặc cho bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Đây gọi là ‘hành giả phát khởi được tín tâm quay về [nương tựa] tha lực’, cho nên không thể tự mình phán định ‘phải sanh Cực Lạc’ hay ‘phải đọa địa ngục’.

Hắc Cốc Nguyên Không Thánh nhân có nói: “*Nên nghĩ sanh về xứ sở Nguyên Không đang ở.*” Thật vậy, theo đây mà nghĩ: ‘Giả sử dù [Thánh nhân] có đang ở địa ngục, cũng nên sanh về xứ sở của Thánh nhân.’ Đời này nếu không gặp được bậc thiện tri thức thì hàng phàm phu chúng ta ắt phải đọa địa ngục.

Nhưng ngày nay nhờ ơn hóa đạo của Thánh nhân (Nguyên Không) mà chúng ta được nghe ‘bản nguyện Di Đà’, lãnh nạp nghĩa lý ‘nhiếp thủ bất xả’ vào trong tâm trí. ‘Lìa sanh tử khó lìa, nhất định sanh Tịnh độ khó sanh’, càng chẳng phải sức lực của chính mình. Cho dù ‘quay về [nương tựa] Phật trí Di Đà mà niệm Phật’ là nghiệp nhân của địa ngục, và đã bị Thánh nhân lừa dối, gọi đó là ‘nghiệp nhân của vãng sanh Tịnh độ’, thì tôi đâu có đọa địa ngục cũng không có ý nghĩ hối hận [vì bị lừa dối]. Vì sao vậy? Nếu không gặp được minh sư thì thân này chắc chắn sẽ rơi vào đường ác. Tuy nhiên, những người bị thiện tri thức lừa dối mà rơi vào đường ác, không phải rơi một mình mà cùng rơi với thầy mình.

Do đó, nếu ta cứ giữ ý nghĩ, ‘Dù là địa ngục, hãy sanh về xứ sở Thánh nhân đang ở’, thì có thể nói, ‘Sanh xứ dù thiện hay ác, không phải do tự mình quyết định’.

Đây chính là sắc thái của ‘từ bỏ tự lực quay về tha lực’.”

Chương 3: Không xét kể người thiện kẻ ác

¹¹ Chẳng phải dùng trí giải phân biệt mà có thể vãng sanh Tịnh độ.

Lại nói: “Hòa thượng chùa Quang Minh (Đại sư Thiện Đạo) giải thích ý nghĩa ‘Niệm Phật vãng sanh nguyện’, tức là nguyện thứ 18 trong Kinh Đại Vô Lượng Thọ rằng: ‘Tất cả phàm phu thiện ác mà được vãng sanh thì không ai không nương vào đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên.’¹²

Với ý này, người thiện đem điều thiện mình đã làm mà muốn sanh về Báo độ của Đức Phật A Di Đà thì ắt hẳn không được. Với kẻ ác càng không cần phải nói, ngoài ác nghiệp lực của chính họ dẫn sanh ba đường ác hoặc bốn nẻo, đâu là nhân tố sanh về Báo độ?

Do đó, thiện nghiệp chẳng phải sự cần thiết, nghiệp ác không trở thành chướng ngại. Sự vãng sanh của người thiện, nếu không có ‘biệt nguyện siêu thế’¹³ và tâm đại từ đại bi của A Di Đà Như Lai thì không thể được vãng sanh. Sanh xứ của kẻ ác, suy nghĩ có thể biết, chắc chắn không phải là Báo độ của Báo Phật.

Nhưng để hiển thị sự kỳ đặc của Phật trí bất khả tư nghị, tỳ kheo Pháp Tạng đã tư duy suốt năm kiếp và tu hành trong vĩnh kiếp, vì những người thấp kém không có chỗ nương thân nào ngoài sáu nẻo bốn loài, cũng không có thời kỳ nào để họ thoát ly, đã phát ra thệ nguyện thù thắng và khuyên bảo họ rằng ‘dù có ác nghiệp cũng không nên cảm thấy mình thấp hèn’. Thế nên, nếu ai không quên bản thân¹⁴ mà quy ngưỡng Phật trí, và mình còn bị ác nghiệp nắm giữ, thì cái gì là nhân

¹² Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa môn Thiện Đạo tập ký, quyển 1, tr. 246b10. Đại nguyện nghiệp lực, chính là đại nguyện, đại nghiệp và đại lực. Bản nguyện ‘năm kiếp tư duy’ nơi nhân địa của Đức Phật A Di Đà, gọi là đại nguyện. Tu hành trải qua ‘triệu năm kiếp lâu xa’ nơi nhân địa của Đức Phật A Di Đà, gọi là đại nghiệp. Năng lực có ánh sáng vô lượng và đời sống vô lượng ở mặt quả của Đức Phật A Di Đà, gọi là đại lực. Từ phát nguyện, đến tu hành, rồi thành Phật, gọi chung là “Đại nguyện nghiệp lực”, nói một cách đơn giản chính là danh hiệu sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật”.

¹³ Siêu thế biệt nguyện (超世別願), còn gọi là Biệt ý hoằng nguyện (別意弘願) hay Biệt ý (別意), của Đức Phật A Di Đà, chỉ cho 48 nguyện thù thắng, nói riêng là nguyện thứ 18. Do đó, nguyện thứ 18 này được Đức Phật Thích Ca gọi là “Bản nguyện”, và được chư tổ sư ca ngợi là “Vương bản nguyện” (王本願) hay “Bản nguyện vương” (本願王).

¹⁴ Tự khinh mình mà thối lui, khuất phục trước số phận.

tổ sanh về Tịnh độ? Có yêu cầu gì khi kẻ ác nhanh chóng bị dẫn dắt bởi nhân tố xấu ác của thập ác, ngũ nghịch, tứ trọng, phỉ báng chánh pháp để rồi chìm đắm trong ba đường, tám nạn? Tuy nhiên, điều thiện không phải là nhân tố vãng sanh Cực Lạc, vì sự vãng sanh không đòi hỏi điều đó, và điều ác cũng giống như vậy. Chỉ có căn cơ [chúng sanh] là sanh đắc thiện, sanh đắc ác¹⁵. Mong sanh về cõi kia mà không quy hướng tha lực thì không thể được.

Y theo đây để giải thích cho câu ‘Tất cả phàm phu thiện ác mà được vãng sanh thì không ai không nương vào đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà’. ‘Làm tăng thượng duyên’ là nói không có pháp thù thắng nào có thể hơn được thế nguyện thù thắng của Đức Phật A Di Đà.

Chương 4: Nhân duyên của quang minh và danh hiệu

Lại nói: “Có nhân duyên của quang minh và danh hiệu.”¹⁶ Trong 48 nguyện của A Di Đà Như Lai, nguyện thứ 12, tức ‘Quang minh vô lượng nguyện’¹⁷, là để nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Nguyện ấy vốn đã thành tựu, Đức Phật A Di Đà phóng quang minh vô ngại, chiếu khắp vi trần thế giới ở mười phương, trường thời chiếu chạm phiền não và ác nghiệp của chúng sanh. Vì vậy, khi chúng sanh gặp được duyên ‘quang minh’ này, thì bóng tối vô minh dần dần

¹⁵ Sanh đắc (生得) : Đối lại là Ly nhiễm đắc, Tu đắc, Gia hành đắc. Sanh ra đã có sẵn, đây là tánh trời cho, vì thế cho nên gọi là Sanh đắc. Trái lại, nhờ công phu tu hành, nghe pháp mà được thì gọi là Tu đắc, Gia hành đắc.

¹⁶ Đức Phật A Di Đà nhiếp thủ và cứu độ tất cả chúng sanh bằng duyên ‘quang minh’ và nhân ‘danh hiệu’.

¹⁷ Quang minh vô lượng nguyện (光明無量願): là nguyện thứ 12 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, cũng gọi Đắc thắng quang minh nguyện (得勝光明願), Tự thân quang vô hạn nguyện (自身光無限願), Phật quang vô hạn lượng nguyện (佛光無限量願), Quang sắc nguyện (光色願). Văn nguyện trong Kinh Vô Lượng Thọ, bản dịch đời Ngụy, như sau (Đại 12, 268 thượng): "Giả sử khi tôi thành Phật, quang minh có hạn lượng, tối thiểu chẳng chiếu đến trăm ngàn ức na do tha cõi nước chư Phật thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác." Trong Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, bản dịch đời Đường, thì ghi như sau (Đại 11, 93 hạ): "Nếu tôi thành Phật, quang minh có hạn, cho đến ít nhất không chiếu soi ức na do tha trăm nghìn cõi Phật thì tôi không giữ lấy Bồ đề." Đây là nguyện của Đức Phật A Di Đà đã phát khi còn là Bồ tát Pháp Tạng ở địa vị tu nhân, tức là nguyện khi thành tựu Chánh đẳng chánh giác, ánh sáng không có hạn lượng, chiếu khắp các cõi nước trong thế giới mười phương. Nguyện này cùng với “Thọ mạng vô lượng nguyện” (nguyện thứ 13) tạo thành quả thể của Báo thân Đức Phật A Di Đà.

giảm bớt, và khi nhân ‘túc thiện’ của họ nảy sanh, họ sẽ nghe được ‘danh hiệu’, nhân tố cho sự vãng sanh Báo độ, được nói đến trong nguyện thứ 18, tức ‘Niệm Phật vãng sanh nguyện’.

Thế nên, ‘chấp trì danh hiệu’ càng không phải tự lực, mà là dựa vào sự thôi thúc của ‘quang minh’. Theo đây có thể nói, ‘nảy mầm từ duyên quang minh, gặt hái từ nhân danh hiệu’. Vì vậy Tông sư (Thiền Đạo) đã nói: ‘Dùng quang minh và danh hiệu nhiếp hóa mười phương [chúng sanh], chỉ khiến tín tâm cầu niệm’.¹⁸

‘Chỉ khiến tín tâm cầu niệm’: quang minh và danh hiệu, giống như cha mẹ nuôi dưỡng con cái. Tuy nhiên, nếu chưa có con thì không có ‘danh’ cho cha mẹ, và khi có con mới có ‘hiệu’ cho cha mẹ. Như vậy, quang minh ví như mẹ, danh hiệu dụ cho cha.¹⁹ Tuy nói ‘Mẹ là quang minh, cha là danh hiệu’, nhưng không có nhân ‘tín tâm’ thì không thể vãng sanh Báo độ. Hành giả khi phát khởi tín tâm, cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc, xưng niệm danh hiệu, thì quang minh mới nhiếp thủ người ấy. Thế nhưng, dầu có danh hiệu, nếu hành giả không phát khởi tín tâm, thì thệ nguyện ‘nhiếp thủ bất xả’ của Đức Phật A Di Đà không thể thành tựu. Nếu không có thệ nguyện ‘nhiếp thủ bất xả’ của A Di Đà Như Lai, thì cái nguyện vãng sanh Tịnh độ của hành giả y cứ vào gì mà thành? Tuyên bố ‘Bản nguyện tức là

¹⁸ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiền Đạo tập ký, tr. 439b12. Cầu niệm: cầu sanh và xưng niệm.

¹⁹ Quang minh danh hiệu nhân duyên (光明名號因緣): gọi tắt là Quang hiệu nhân duyên. Chúng sanh lấy danh hiệu Đức Phật A Di Đà làm nhân, lấy quang minh làm duyên thì được sanh về thế giới Cực Lạc. Cứ theo Vãng Sanh Lễ Tán của ngài Thiền Đạo, nếu chúng sanh nào muốn sanh về Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà, thì nên lấy danh hiệu của Đức Phật A Di Đà làm nhân, lấy quang minh của Ngài làm duyên, mới có thể đạt được nguyện vọng vãng sanh. Vì danh hiệu Phật A Di Đà tròn đầy muôn đức, là nhân năng sanh (như cha) còn quang minh của Ngài chiếu sáng các thế giới trong 10 phương, là duyên sở sanh (như mẹ) cho nên có năng lực tiếp dẫn chúng sanh đến Tịnh độ Cực Lạc. Nhưng danh hiệu và quang minh của Đức Phật A Di Đà chỉ là nhân duyên tha lực bên ngoài, hỗ trợ chúng sanh vãng sinh Tịnh Độ mà thôi, còn tín tâm của chúng sanh mới là chân nhân của Niết Bàn phát sanh từ trong tâm chúng sanh khiến có sự suy lường bên ngoài. Như vậy, cần phải có đầy đủ duyên ngoài và nhân trong mới có thể vãng sanh Tịnh độ.

danh hiệu, danh hiệu tức là bản nguyện. Bản nguyện tức là hành giả, hành giả tức là bản nguyện' là ý đây vậy.²⁰”

Trong Giáo Hành Tín Chung, Hành quyển, Thánh nhân Bản Nguyện tự (Thân Loan) đã giải thích như sau:

“Không có đức hiệu của Từ phụ thì thiếu sót nhân năng sanh, không có quang minh của Bi mẫu thì trái ngược duyên sở sanh. Nhân duyên năng sở tuy có thể hòa hợp, nhưng không có tín tâm và nghiệp thức thì không đến được cõi quang minh. Chân thật tín tâm và nghiệp thức, đây là nội nhân; danh hiệu của cha và quang minh của mẹ, đây là ngoại duyên. Nhân duyên nội ngoại hòa hợp, thì đắc chứng Báo độ, Chân thân.”

Nói cách khác, thí như mặt trời di quanh lưng chừng núi Tu Di, khi chiếu sáng châu kia, thì cõi này tối tăm; khi từ châu kia tiếp cận Nam châu này, thì đêm tối sẽ rạng sáng. Người thế gian luôn nghĩ rằng, ‘Đêm rạng sáng khi mặt trời mọc’. Đây không phải trường hợp này. Do mặt trời ‘A Di Đà Phật’ chiếu chạm mà bóng tối ‘đêm dài vô minh’ đã bừng sáng, và chúng sanh bắt được ngọc báu ‘danh hiệu’ làm nghiệp nhân ‘vãng sanh An Dưỡng’. Nên biết như vậy.

Chương 5: Chánh định nghiệp

Giác Như xin thưa:

²⁰ Đại Kinh hai quyển thượng hạ, nhìn một cách cô đọng, là bản kinh nói về bản nguyện lực của Như Lai và công đức lực của quang minh của Như Lai. Quang minh được thu tóm trong danh hiệu, cho nên Đại Kinh là bản kinh nói về công đức của bản nguyện và danh hiệu của Như Lai. Bản nguyện này gọi là Nam mô A Di Đà (để cứu độ những người tin và nương vào đó), vì vậy, 'bản nguyện tức là danh hiệu' và 'danh hiệu tức là bản nguyện'. Ngoài công đức lực của bản nguyện và danh hiệu, không có cách nào khác để chúng sanh được vãng sanh. ‘Tuệ nhật chiếu quang minh vô ngại phá tan bóng tối của vô minh’, một tuyên bố chắc chắn như vậy thực sự có giá trị, và nó giống như tiếng kêu của một con sếu. Sự phán xét vĩ đại này phải được nếm trải. Phật giáo, xét cho cùng, là cuộc chiến giữa uy thần lực của quang minh của Đức Phật và bóng tối của vô minh trong chúng sanh, và rõ ràng là vô minh đã bị phá vỡ bởi quang minh.

Căn cơ dù thấp kém nhưng chớ tự khinh, đại bi của Phật có cứu giúp hạ căn. Hành nghiệp tuy sơ sài nhưng không nên nghi, yếu văn của Kinh có ‘Nhấn đến một niệm’. Lời Phật không hư vọng, bản nguyện há sai ư?

Danh hiệu chính là Chánh định nghiệp, đó là vì nếu hành giả được nắm giữ bởi bất tư nghị lực của Phật²¹ thì nghiệp vãng sanh²² lập tức được xác định. Dù xưng niệm danh hiệu nguyện lực²³ của Đức Phật A Di Đà mà nghiệp vãng sanh chưa xác định, thì không thể gọi là Chánh định nghiệp.

Chúng ta đã chấp trì danh hiệu của bản nguyện, thì nên hoan hỷ vì nghiệp vãng sanh của chúng ta đã được hoàn thành. Vì vậy khi lâm chung, dù không xưng danh hiệu được nữa cũng được vãng sanh, việc này đương nhiên.²⁴

²¹ Ngũ chủng bất khả tư nghị (五種不可思議): Năm thứ bất khả tư nghị: 1. Chúng sanh nhiều ít bất khả tư nghị: Chúng sanh tăng giảm không ngừng. 2. Nghiệp lực bất khả tư nghị: Nương vào nghiệp lực mà muôn vật biến hiện. 3. Thiền định lực bất khả tư nghị: Nhờ sức thiền định mà phát sanh thần thông. 4. Lực của loài rồng bất khả tư nghị: Chỉ một giọt nước của rồng cũng tuôn mưa lênh láng, gây ra lũ lụt. 5. Phật pháp lực bất khả tư nghị: Nhờ Phật pháp mà chứng được quả lớn Niết bàn.

²² Nghiệp vãng sanh là nương nguyện thứ 18, nhờ đại nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà là tăng thượng duyên, tức là nhất hướng chuyên xưng danh hiệu A Di Đà Phật, hoàn toàn phó thác cho công đức và tha lực của Phật mà được vãng sanh.

²³ Danh hiệu nguyện lực: danh hiệu chứa đựng bản nguyện lực cứu độ chúng sanh.

²⁴ Nói “Nãi chí nhất niệm” tức là không luận bình sanh hay lâm chung. Căn cơ chúng sanh thiện ác khác nhau, thiên sai vạn biệt, ai bình sanh gặp duyên niệm Phật thì ‘bình sanh vãng sanh’ được xác định, ai lúc lâm chung gặp duyên niệm Phật thì ‘lâm chung vãng sanh’ được xác định. Vãng sanh Tịnh độ là sự khế hợp giữa tâm thức của căn cơ và ý nguyện của Đức Phật A Di Đà. Cơ pháp tương ứng, chúng sanh và Đức Phật là đồng nhất thể, sao đợi sắc thân xả báo mới được xác định? Bản nguyện thành tựu văn, Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Có những chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về nước ấy, thì liền được vãng sanh, trú Bất thoái chuyển.*” Quán Kinh nói: “Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ nghe lời đức Phật nói về mười sáu pháp quán ấy, liền lúc đó thấy tướng rộng lớn Cực Lạc thế giới, được thấy sắc thân Đức Phật A Di Đà và hai Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, lòng rất hoan hỷ, khen chưa từng có. Vi Đề Hy hoá nhiên đại ngộ được Vô sanh nhẫn. Năm trăm thị nữ phát tâm Vô thượng Bồ đề, nguyện sanh Cực Lạc thế giới. Đức Thế Tôn thọ ký đều sẽ vãng sanh. Sanh nước Cực Lạc rồi được Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội.” Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai ghi: “Chúng sanh nước kia, hoặc người sẽ sanh, tất cả đều là rốt ráo Vô thượng Bồ đề, đến Niết bàn xứ. Vì sao? Nếu là người tà định tự và bất định tự, thì không thể biết rõ được nhân tố kiến lập kia.” Qua đó cho thấy, vãng sanh là bình sanh nghiệp thành. Bình sanh nghiệp thành (平生業成): Bất cứ ai cũng sẽ được vãng sanh Tịnh độ khi họ có được niềm tin kiên cố vào tha lực của Bản nguyện mà không cần phải đợi đến lúc lâm chung. Ngài Thân Loan gọi “bình sanh nghiệp thành” là “hiện sanh chánh định tự”. Hiện sanh chánh định tự (現生正定聚), cũng gọi Hiện sanh bất thoái (現生不退), ngay trong đời này trú ở vị Chánh định tự (bất thoái vị), tương lai ắt đạt đến quả Phật. Theo quan điểm của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, nếu hành giả có tín tâm chân thật, thì nhất định vào được vị Chánh định tự.

Tất cả chúng sanh đều có những nghiệp nhân quá khứ khác nhau. Có vô số duyên chết khác nhau: chết do bệnh tật, chết vì dao đâm, chết bị đuối nước, chết do lửa thiêu, thậm chí chết khi ngủ hoặc say rượu. Đây đều là nghiệp nhân của các đời trước, không thể trốn tránh. Trong tình huống như vậy, ngoại trừ tâm mê vọng hưng khởi, cùng với thói quen của phàm phu, làm sao có được chánh niệm mà xưng niệm danh hiệu? Làm sao duy trì tâm nguyện vãng sanh Tịnh độ?

Thế nên, nếu không tùy thuận thệ nguyện để bình sanh nghiệp thành, thì mong ước vãng sanh sẽ không đạt được. Vì vậy, sự vãng sanh có được hay không hoàn toàn phụ thuộc vào ‘một niệm’ trong đời sống thường ngày của mỗi người. Lúc bình sanh, ai sống trong ý niệm ‘bất định’ thì không thể vãng sanh. Lúc bình sanh, một người sống với lời dạy của bậc thiện tri thức để phát khởi được ‘một niệm quy mạng’, thì ngay lúc khởi niệm ấy, người đó đã kết thúc cõi Ta Bà, và nên nghĩ rằng mình đã mạng chung.

Nam mô là quy mạng. Tâm ‘quy mạng’ chính là ‘vãng sanh’, cũng là ‘phát nguyện’. Tâm ấy trùm khắp vạn hạnh vạn thiện, làm nghiệp nhân vãng sanh, cũng là nghĩa ‘hồi hướng’. Khi tâm ‘năng quy’ này tương ưng với Phật trí ‘sở quy’, thì nhân vị vạn hạnh và quả địa vạn đức của Đức Phật A Di Đà đều gồm trong ‘danh hiệu’, làm bản thể của sự thực hành ‘vãng sanh’ của chúng sanh mười phương. Đại sư Thiện Đạo giải thích: “A Di Đà Phật chính là hạnh của người ấy.”²⁵

Tuy nhiên, khi phạm tội sát sanh, người đó đã kết định nghiệp của địa ngục, và dù không tái phạm vào cuối đời, người đó vẫn bị nghiệp lực ‘bình sanh’ lôi kéo, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Tương tự đối với sự niệm Phật: những ai tin vào

²⁵ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ (còn gọi Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ), No. 1753, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 250a27: “Nay trong Quán Kinh này nói xưng niệm danh hiệu Phật mười tiếng, tức là đầy đủ mười nguyện, mười hạnh. Vì sao đầy đủ? Nói ‘Nam mô’, tức là quy mạng, cũng có nghĩa là ‘phát nguyện hồi hướng’; nói ‘A Di Đà Phật’, tức là hạnh của người ấy. Dựa vào nghĩa này mà nhất định được vãng sanh.” Bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ chính là chúng sanh quy mạng về Đức Phật A Di Đà. Bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ là chánh nghiệp, tư lương và công đức của sự vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chỉ cần niệm sáu chữ ‘Nam mô A Di Đà Phật’ thì đã cụ bị sự tu hành vãng sanh, công đức vãng sanh, cho nên Đại sư Thiện Đạo nói: “Dựa vào nghĩa này mà nhất định được vãng sanh.”

bản nguyện và xưng niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà chắc chắn sẽ được vãng sanh khi đúng thời điểm. Nên biết như vậy.

Lời cuối

Gia Lịch nguyên niên, ngày 5 tháng 9 năm Bính Dần (1326)

Lau lệ già, nhuộm bút trọc là chỉ vì lợi ích chúng sanh.

Thích Tông Chiêu, 57 tuổi

Năm ngoái, tôi đã nhuộm bút và đưa cho Nguyễn Trí Phòng ở Hida (飛驒 Phi Đà). Vào năm nay, Lịch Ứng năm thứ 3, ngày 15 tháng 10 năm Canh Thìn (1340), Nguyễn Trí Phòng đã mang theo cuốn sách này đến Kyoto. Ông ở lại đó một ngày và trở về Hida vào ngày 17. Vẫn dưới ánh đèn, tôi viết cuốn sách này vì lợi ích chúng sanh.

Thích Tông Chiêu, 71 tuổi